TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2022
V/v "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Đức

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: ông Lê Văn Hiển – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 372/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm c, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1986; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2022, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn X cưới nhau vào năm 2010 do tự tìm

hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất hòa, cự cãi với nhau. Chị và anh X đã sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì không hàn gắn được với nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/6/2011, hiện nay đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt, đơn yêu cầu không hòa giải ngày 22/6/2022 bị đơn anh Nguyễn Văn X trình bày:

Anh biết được chị Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Anh và chị H có nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không hàn gắn lại được. Anh đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải giữa anh với chị H. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử vắng mặt anh.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn X. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/6/2011 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng

xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn X có đơn yêu cầu không hòa giải và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh X.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn X cưới nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/3/2011 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015, thì xảy ra mâu thuẫn với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc do hai bên bất hòa, gây gỗ với nhau. Cả chị H và anh X điều thừa nhận hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được với nhau và từ chối hòa giải để hàn gắn. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị H và anh X đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị H yêu cầu ly hôn với anh X là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh X có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/6/2011. Từ khi chị H và anh X sống ly thân thì cháu K do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, chị H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu K. Cháu K có nguyện vọng được sống với chị H nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K của chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Không có, nên không xem xét giải quyết.

[5]*Về nợ chung:* Không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 207, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn X. Quan hệ hôn nhân theo số vào sổ đăng ký kết hôn số 41 ngày 08/3/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/6/2011 cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh X lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0004131 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười

lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Duy Linh